TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 02/7/2018
V/v: Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, đòi tiền đặt cọc và phạt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**
Ông Nguyễn Vũ Đông
Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Mạnh Hà**
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 29 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2018/LHPT ngày 12 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, đòi tiền đặt cọc và phạt cọc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/HNGĐ-ST ngày 24/11/2017 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2018/QĐXX-PT ngày 17/5/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Ngọc T- sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 19, lô 10D Trung Yên, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Vũ Thị Thanh Nga – Công ty TNHH Lawstartup.

Địa chỉ: Số 73 ngõ 1002/5 đường Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh Trần Song H- sinh năm 1974.

HKTT: Phòng 707 – N2F khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Địa chỉ: Số 151, tổ 3 phường Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Hồng Xiêm - sinh năm 1970

HKTT: 47 Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Đ- sinh năm 1944.

Địa chỉ: Phòng 1012, nhà CT7B, khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/04/2016, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn là chị Bùi Thị Ngọc Ttrình bày: Chị Bùi Thị Ngọc Tvà anh Trần Song Hkết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) phường Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội vào ngày 28/01/2003.

Ngày 19/12/2014, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội đã Quyết định giải quyết việc dân sự số 206/2014/QĐ-GQVDS với nội dung: Anh chị thuận tình ly hôn, 2 con chung do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Hcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 triệu đồng; Về phần tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị T cùng hai con vẫn ở nhà tại số 151, tổ 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Đến ngày 11/4/2016, anh Hđã thay khóa và đuổi chị T ra khỏi nhà. Anh chị không tự thỏa thuận được về việc chia tài sản chung là nhà đất tại số 151, tổ 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Nguồn gốc nhà đất là do chị T, anh Hmua từ năm 2007 với số tiền hơn 1 tỷ đồng, tiền mua đất là của hai vợ chồng, trong đó chị T có khoảng 500.000.000 đồng. Đến năm 2011, anh chị xây nhà, tiền xây nhà hết hơn 1 tỷ đồng. Tiền xây nhà là của hai vợ chồng, cụ thể của chị T có bao nhiêu tiền thì chị không nhớ. Thời điểm đó chị T làm môi giới bất động sản có thu nhập bình quân từ tiền lương là 20.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn được bố mẹ đẻ cho thêm tiền để sinh hoạt. Nhà đất này đã được UBND huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE757061 ngày 04/12/2006 cho ông Lê Minh Hiển, được chuyển nhượng sang tên cho anh Trần Song Hvào ngày 20/9/2007.

Nay chị T đề nghị Tòa án chia tài sản chung của chị T, anh Hlà nhà đất tại địa chỉ số 151, tổ 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Chị có nguyện vọng được chia ½ giá trị nhà đất trên bằng tiền.

Về đơn phản tố của anh Hyêu cầu chị thanh toán trả anh số tiền 100.000.000 đồng tiền đặt cọc và 15.000.000 đồng tiền phạt cọc do hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất vào tháng 4/2016, chị xác nhận có nhận số tiền này và nhận trách nhiệm thanh toán 115.000.000 đồng cho anh Hnhưng đề nghị được đối trừ vào phần nghĩa vụ thanh toán tiền nhà đất do chia tài sản chung của anh Hcho chị.

Bị đơn là anh Trần Song Htrình bày: Về thời điểm kết hôn cũng như ly hôn đúng như chị T trình bày. Tuy nhiên anh chị không có tài sản chung là nhà đất như chị T trình bày. Ngôi nhà hiện nay anh Hđang ở số 151, tổ 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội không phải là tài sản chung.

Về nguồn gốc nhà đất: Năm 2007, anh nhận chuyển nhượng đất bằng tiền của riêng anh Htừ việc anh bán căn nhà tại tổ 4, cụm 3 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân (số 16, ngõ 93 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, Hà Nội). Nhà này là nhà riêng của riêng anh được bố mẹ cho từ trước thời kỳ hôn nhân với chị T. Năm 2007, anh bán ngôi nhà này được 1.040.000.000 đồng và chuyển sang mua nhà đất tại Phú Đô với giá 1.004.500.000 đồng, trên đất có nhà cấp 4. Thửa đất này đã được UBND huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng sang tên cho anh năm 2007. Thời gian từ khi anh Hvà chị T kết hôn năm 2003 đến năm 2008, chị T không đi làm mà ở nhà trông con, tiền lương của anh chỉ vừa đủ cho anh chị chi tiêu sinh hoạt trong gia đình mà không có nguồn tiền tích lũy nào. Sau khi mua nhà đất ở Phú Đô, anh cho thuê nhà. Năm 2011, bố mẹ anh bán nhà ở Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội để lấy tiền chữa bệnh được khoảng 2 tỷ đồng. Bố mẹ anh cho anh vay 900.000.000 đồng để xây nhà tại thôn Phú Đô, xã Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội vì anh và chị T không thể có tiền để xây nhà.

Sau khi ly hôn, anh vẫn để cho chị T nuôi con ở tại ngôi nhà trên. Ngày 09/4/2016, anh và chị T thống nhất bán nhà để anh cho chị T 1,2 tỷ đồng mua nhà chung cư. Khi có người đến đặt cọc 200.000.000 đồng, anh nhận tiền và đã đưa cho chị T 100.000.000 đồng. Đến ngày 11/4/2016, chị T ép anh đưa thêm 700.000.000 đồng nữa thì mới đồng ý ký giấy tờ chuyển nhượng nhà đất. Anh không đồng ý với yêu cầu này nên chị T không đồng ý ký vào hợp đồng chuyển nhượng nhà đất. Do không thực hiện được việc mua bán nhà nên anh Hđã phải thương lượng với bên mua rất căng thẳng, họ uy hiếp đe dọa và sau đó anh đã phải trả tiền cọc 200.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 30.000.000 đồng.

Nay chị T yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất ở Phú Đô, anh không chấp nhận. Anh cho rằng anh chị chỉ có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là khoảng hơn 200.000.000 đồng do chị T quản lý, số thẻ ATM của tài khoản là 9704230002063132, chủ thẻ là Bùi Thị Ngọc Ttại Ngân hàng Tiên Phong (TPBank). Nhưng do hiện nay anh chưa có đủ chứng cứ để xác định đây là tài chung của anh chị nên anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền này.

Ngoài ra anh yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 30.000.000 đồng là số tiền anh đã phải trả cho bên mua nhà nhưng không thành vào năm 2016.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đtrình bày:

Về nguồn gốc nhà đất tại số 151, tổ dân phố số 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội là tiền do anh Hbán ngôi nhà tại Khương Đình do ông bà (bố mẹ đẻ của anh Hà) mua riêng cho anh Htừ năm 2001. Năm 2011, bà Điểu có cho anh Hvay 600.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, sau đó vài tháng bà tiếp tục cho anh Hvay 300.000.000 đồng để anh Hxây nhà tại số 151, tổ dân phố số 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tổng số tiền anh Hvay là 900.000.000 đồng. Việc này chị T có biết hay không thì bà không rõ, vì con trai bà là anh Hhỏi vay chứ chị T không trực tiếp vay bà. Nay chị T có yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại số 151, tổ dân phố số 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, bà Điểu đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với việc bà cho anh Hvay tiền để xây nhà, bà và anh Htự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản án số 38/2017/HNGĐ-ST ngày 24/11/2017, Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Bùi Thị Ngọc Tđối với anh Trần Song Hà.

2. Tài sản chung của chị T anh Hlà quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số nhà 151, tổ 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội với tổng giá trị tài sản là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng.

Chia cho chị T được ¼ giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tính bằng tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Chia cho anh Hđược quyền quản lý sử dụng đất và sở hữu nhà tại số nhà 151, tổ 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm,Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE757061 ngày 04/12/2006, chuyển nhượng sang tên mang tên anh Trần Song Htừ ngày 20/9/2007 (Thửa số 47(1), tờ bản đồ số 4, diện tích 50m2). Anh Hcó nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Bùi Thị Ngọc T1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Gía trị thành tiền phần anh Hđược chia là 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Song Hđối với chị Bùi Thị Ngọc Tú. Buộc chị Bùi Thị Ngọc Tphải thanh toán cho anh Trần Song H115.000.000 (Một trăm mười lăm triệu) đồng tiền đặt cọc và tiền phạt cọc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/12/2017, anh Trần Song Hcó đơn kháng cáo với nội dung: Xác định nhà, đất tại số 151, tổ dân phố số 3, phường Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội là tài sản riêng của anh Hvà bác yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị T.

Ngày 08/12/2017, chị Bùi Thị Ngọc Tcó đơn kháng cáo với nội dung: Nhà đất này là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị chia cho mỗi bên ½ giá trị tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không rút đơn kháng cáo và không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là chị Bùi Thị Ngọc Ttrình bày: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn trình bày. Nội dung đơn trình bày của chị T và của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị T đều thống nhất thể hiện: Trước khi kết hôn, anh Hđã có nhà đất tại tổ 4, cụm 3, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân (số 16, ngõ 93 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, Hà Nội). Trong quá trình sinh sống, vợ chồng có cải tạo lại nhà, mua sắm một số trang thiết bị trong nhà. Khi bán căn nhà này thì vợ chồng bán kèm luôn tất cả đồ đạc trang thiết bị trong nhà, sau đó đã dùng tiền này mua đất và xây nhà tại số 151, tổ dân phố số 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội rồi vợ chồng con cái về đây sinh sống. Mặt khác, khi xây dựng chị cũng đóng góp tiền bạc đưa cho anh Hà, do là vợ chồng nên không có giấy tờ gì. Đến khi làm thủ tục bán căn nhà này thì cả hai vợ chồng đều ký vào hợp đồng mua bán có công chứng. Như vậy anh Hđã tự nguyện góp tài sản riêng vào khối tài sản chung. Do đó, chị T đề nghị hội đồng xét xử chia cho chị ½ giá trị nhà đất này và chị xin hưởng bằng tiền.

Bị đơn là anh Trần Song Hvà người đại diện theo ủy quyền của anh trình bày:

Tài sản là nhà đất tại tổ 4, cụm 3 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân (số 16, ngõ 93 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, Hà Nội) là của bố mẹ anh tặng cho anh trước khi anh kết hôn với chị T. Anh bán nhà đất này và đã dùng tiền để mua thửa đất tại số 151, tổ dân phố số 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, trên đất có nhà cấp bốn. Sau đó anh đã phá đi và xây nhà như hiện nay. Nguồn tiền xây dựng do anh vay của bố mẹ anh, chị T không có đóng góp gì. Khi xây dựng thì bản thân anh đã bị cơ quan chức năng tiến hành xử phạt vi phạm về xây dựng không phép chứ không phạt chị T. Việc chị T xuất trình các tài liệu đi làm có thu nhập là không đúng. Mọi giao dịch đều do anh Hđứng ra và khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất cũng chỉ đứng tên một mình anh Hà. Do vậy nhà đất này là tài sản của riêng anh Hà, anh không nhất trí chia cho chị T. Anh đề nghị hội đồng xét xử xét giảm án phí cho anh vì hiện nay anh đang tình nguyện công tác tại tỉnh Lai Châu theo chủ trương chính sách của tỉnh và Lai Châu là tỉnh miền núi có điều kiện kinh tế còn khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của anh Trần Song Hvà chị Bùi Thị Ngọc Tnằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Tài sản là nhà đất tại tổ 4, cụm 3 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân (Số 16, ngõ 93 Bùi Xương Trạch quận Thanh Xuân, Hà Nội) là của bố

mẹ anh tặng cho anh trước khi anh kết hôn với chị T. Khi bán nhà đất này và mua nhà đất ở phường Phú Đô và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đều đứng tên anh Hnên đây là tài sản riêng của anh Hà. Tuy nhiên sau đó anh Hđã phá nhà cũ và tiến hành xây dựng nhà mới thì đây là tài sản chung của anh Hvà chị T. Căn cứ vào biên bản định giá tài sản thì giá trị công trình trên đất là 750.000.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Hà, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T và đề nghị sửa án sơ thẩm chia cho mỗi người ½ giá trị tài sản trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của anh Trần Song Hvà chị Bùi Thị Ngọc Tnằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Trước khi anh kết hôn với chị T , anh Hđược bố mẹ anh tặng cho anh nhà đất tại tổ 4, cụm 3 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân (Số 16, ngõ 93 Bùi Xương Trạch quận Thanh Xuân, Hà Nội) do đó đây là tài sản của anh. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại đây một thời gian. Trong quá trình chung sống, theo chị T trình bày thì vợ chồng có sửa chữa, cải tạo nhỏ và mua sắm một số trang thiết bị sinh hoạt nên khi bán nhà đất này bao gồm cả các đồ dùng trong nhà. Theo anh Htrình bày thì khi bán nhà đất này thì chị T cũng có ký vào giấy mua bán. Do đó tiền bán nhà đất này cũng có một phần công sức chung của chị T và anh Hà. Theo anh Htrình bày thì toàn bộ tiền bán nhà đất này đã dùng để mua nhà đất ở Phú Đô. Mọi giao dịch mua bán, xây dựng, cấp giấy chứng nhận đều do anh đứng ra giao dịch. Sau khi xây dựng xong nhà thì vợ chồng về ăn ở sinh hoạt tại đây. Như vậy cấp sơ thẩm đã xác định nhà đất tại Phú Đô là tài sản chung của vợ chồng và khi chia tài sản chung có xem xét đến nguồn gốc hình thành nên tài sản là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Hà, chị T cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên anh Hcó đơn xin miễn giảm án phí với lý do hiện anh tình nguyện lên Lai Châu công tác theo chủ trương, chính sách của tỉnh Lai Châu là tỉnh miền núi có điều kiện kinh tế khó khăn nên chấp nhận đề nghị của anh và sửa phần án phí.

Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc Tphải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Song H

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Ngọc Tvà chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trần Song Hà. Sửa bản án sơ thẩm số 38/2017/HNGĐ-ST ngày 24/11/2017 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Bùi Thị Ngọc Tđối với anh Trần Song Hà.

Tài sản chung của chị T anh Hlà quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số nhà 151, tổ 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội với tổng giá trị tài sản là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng).

Chia cho chị T được ¼ giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tính bằng tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Chia cho anh Hđược quyền quản lý sử dụng đất và sở hữu nhà tại số nhà 151, tổ 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm,Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE757061 ngày 04/12/2006, chuyển nhượng sang tên mang tên anh Trần Song Htừ ngày 20/9/2007 (Thửa số 47(1), tờ bản đồ số 4, diện tích 50m^2). Anh Hcó nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Bùi Thị Ngọc T1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Gía trị thành tiền phần anh Hđược chia là 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Song Hđối với chị Bùi Thị Ngọc Tú.

Buộc chị Bùi Thị Ngọc Tphải thanh toán cho anh Trần Song H115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) tiền đặt cọc và tiền phạt cọc.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 45.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 34.500.000 đồng và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị T đã nộp theo biên lai số AL/2010/0003730 ngày 05/05/2016 và biên lai số 7491 ngày 15/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị T còn phải nộp 10.950.000đ (Mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự. Anh Hphải chịu 46.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Hđã nộp 2.875.000 đồng và 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AK/2010/0007311 ngày 19/10/2017 và biên lai số 7481 ngày 14/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh Hcòn phải nộp 42.852.000đ (Bốn hai triệu, tám trăm hai lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND Hà Nội;*
- *TAND quận Nam Từ Liêm, HN;*
- *Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, HN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**